

VIỆT NAM NHẬP KHẨU GỖ NGUYÊN LIỆU TỪ VÙNG ĐỊA LÝ TÍCH CỰC VÀ KHÔNG TÍCH CỰC

Cập nhật
đến hết
T6/2024

Nguyễn Vinh Quang (Forest Trends)
Tô Xuân Phúc (Forest Trends)
Cao Thị Cẩm (VIFOREST)
Trần Lê Huy (FPA Bình Định)



Mục Lục

| | |
|--|-----------|
| Danh mục các hình | 2 |
| 1. Giới thiệu..... | 3 |
| 2. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn và xẻ: Một số nét chính..... | 3 |
| 2.1. Lượng và kim ngạch nhập khẩu | 3 |
| 2.2. Nguồn cung gỗ tròn và xẻ..... | 3 |
| 3. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ vùng địa lý tích cực | 4 |
| 3.1. Nhập khẩu gỗ tròn | 4 |
| 3.2. Nhập khẩu gỗ xẻ..... | 7 |
| 3.3. Lượng doanh nghiệp tham gia khâu nhập khẩu..... | 9 |
| 4. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ vùng địa lý không tích cực..... | 11 |
| 4.1. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn | 11 |
| 4.2. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ..... | 13 |
| 4.3. Doanh nghiệp tham gia khâu nhập khẩu | 15 |
| 5. Kết luận | 17 |

Danh mục các hình

| | |
|---|-----------|
| <i>Hình 1: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) của Việt Nam, 2022 – 6T 2024</i> | <i>3</i> |
| <i>Hình 2: Lượng (trái) và tỷ trọng (phải) gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2022 – 6T 2024</i> | <i>4</i> |
| <i>Hình 3: Số doanh nghiệp tại Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2022 – 6T 2024.....</i> | <i>4</i> |
| <i>Hình 4: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024</i> | <i>5</i> |
| <i>Hình 5: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (m³)</i> | <i>5</i> |
| <i>Hình 6: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>6</i> |
| <i>Hình 7: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (m³)</i> | <i>6</i> |
| <i>Hình 8: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>7</i> |
| <i>Hình 9: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024</i> | <i>7</i> |
| <i>Hình 10: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (m³).....</i> | <i>8</i> |
| <i>Hình 11: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (USD)</i> | <i>8</i> |
| <i>Hình 12: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (m³)</i> | <i>9</i> |
| <i>Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>9</i> |
| <i>Hình 14: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường tích cực phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024</i> | <i>10</i> |
| <i>Hình 15: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ xẻ từ các thị trường tích cực phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024</i> | <i>10</i> |
| <i>Hình 16: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024</i> | <i>11</i> |
| <i>Hình 17: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (m³).....</i> | <i>12</i> |
| <i>Hình 18: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>12</i> |
| <i>Hình 19: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (m³)</i> | <i>12</i> |
| <i>Hình 20: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>13</i> |
| <i>Hình 21: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024.....</i> | <i>13</i> |
| <i>Hình 22: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (m³).....</i> | <i>14</i> |
| <i>Hình 23: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>14</i> |
| <i>Hình 24: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (m³)</i> | <i>15</i> |
| <i>Hình 25: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (USD).....</i> | <i>15</i> |
| <i>Hình 26: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường rủi ro phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024.....</i> | <i>16</i> |
| <i>Hình 27: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ xẻ từ các thị trường rủi ro phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024</i> | <i>16</i> |

1. Giới thiệu

Bản tin này cập nhật thông tin Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn (HS 4403) và gỗ xẻ (HS 4407) từ 2022 đến hết tháng 6 năm 2024. Nguồn số liệu sử dụng trong Bản tin là từ số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan (TCHQ), được Nhóm nghiên cứu của các Hiệp hội (HH) gỗ và Forest Trends phân tích.

Quyết định 4832/QĐ-BNN-TCLN của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn ngày 27/11/2020 công bố danh sách vùng địa lý tích cực xuất khẩu gỗ vào Việt Nam. Hiện có 51 quốc gia và vùng lãnh thổ nằm trong danh sách vùng địa lý tích cực. Toàn bộ các nguồn cung còn lại là không tích cực. Dựa trên quy định này, Bản tin chia gỗ nhập khẩu theo 2 nhóm này.

2. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn và xẻ: Một số nét chính

2.1. Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Theo số liệu của TCHQ, trong giai đoạn 2012 – 2022 mỗi năm Việt Nam nhập khẩu (NK) trung bình khoảng 5 triệu m³ gỗ quy tròn là gỗ tròn và gỗ xẻ. Năm 2023 lượng nhập giảm đáng kể so với năm 2022, chỉ đạt gần 4,4 triệu m³, giảm 31% (Hình 1).

Sáu tháng đầu năm 2024 Việt Nam nhập khẩu gần 2,4 triệu m³ gỗ tròn và xẻ (quy tròn), với kim ngạch 659 triệu USD, tương đương 54% về lượng và 55% về kim ngạch so với cả năm 2023 (Hình 1).

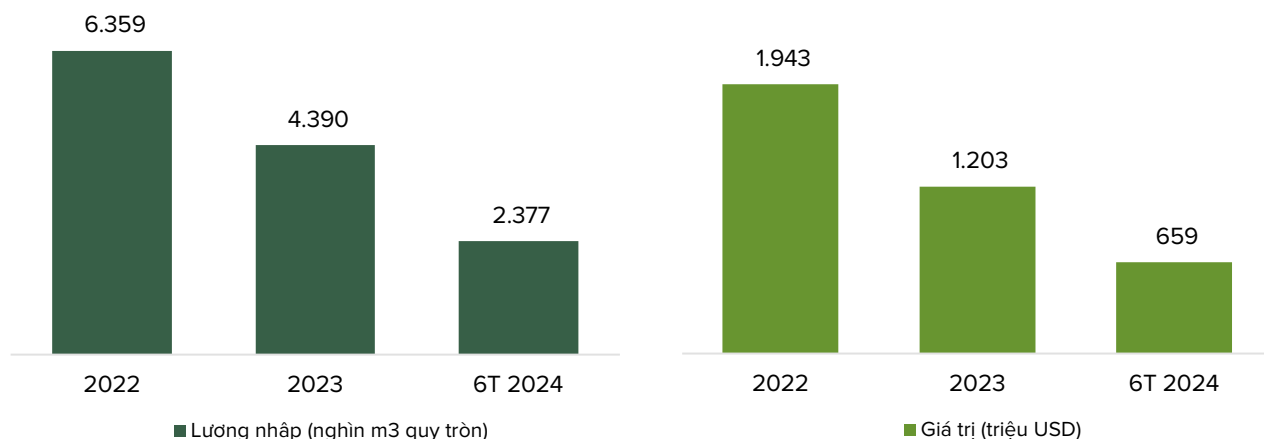
2.2. Nguồn cung gỗ tròn và xẻ

Hàng năm có trên 100 quốc gia và vùng lãnh thổ cung gỗ cho Việt Nam, trong đó khoảng 40 thị trường thuộc vùng địa lý tích cực, phần còn lại là nguồn cung hay thị trường không tích cực hay thường được gọi là rủi ro.

Lượng cung từ vùng địa lý tích cực cao hơn từ vùng rủi ro. Cụ thể, giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024 lượng cung từ vùng tích cực chiếm từ 60 đến 67% tổng lượng nhập (Hình 2).

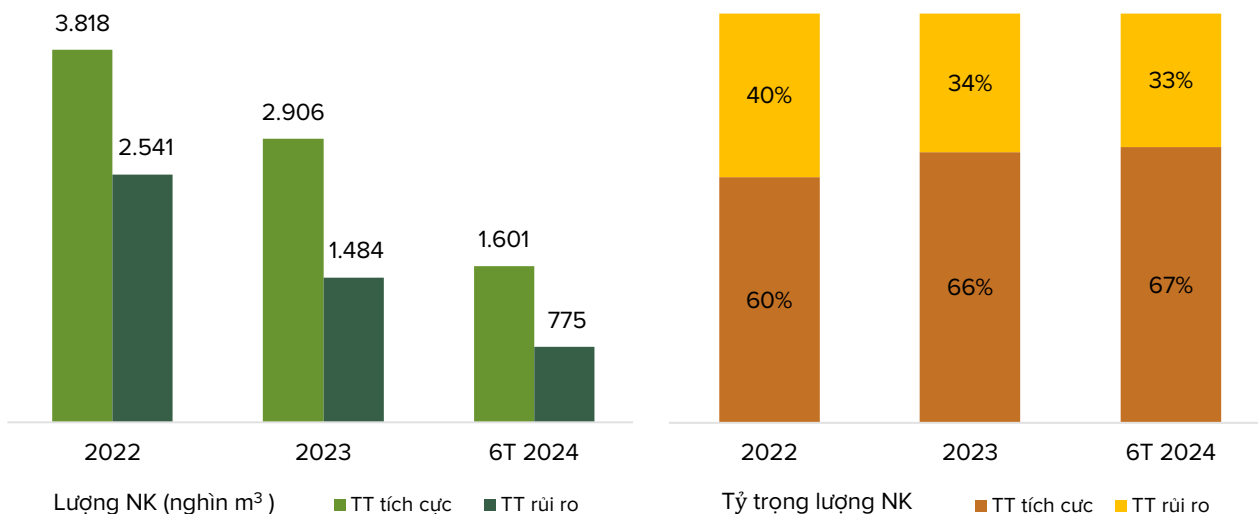
Tỷ trọng lượng gỗ nhập khẩu từ các thị trường rủi ro cũng có xu hướng giảm qua các năm.

Hình 1: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ nguyên liệu (tròn và xẻ) của Việt Nam, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 2: Lượng (trái) và tỷ trọng (phải) gỗ nguyên liệu (tròn và xè) Việt Nam nhập khẩu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2022 – 6T 2024

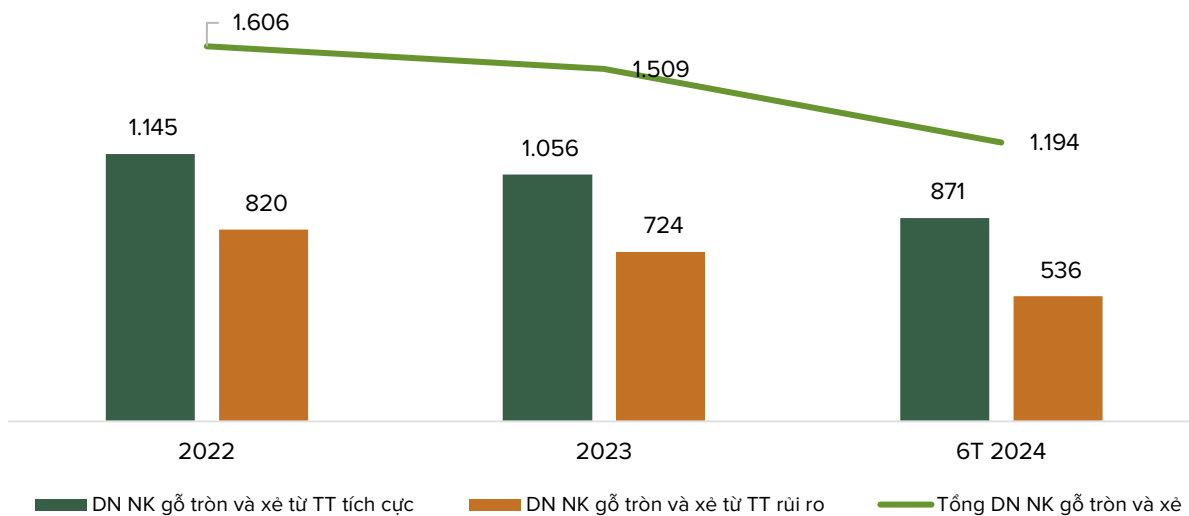


Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Lượng doanh nghiệp tham gia khâu nhập khẩu

Số doanh nghiệp (DN) tại Việt Nam nhập khẩu xu hướng giảm, với tốc độ giảm của DN nhập khẩu gỗ rủi ro mạnh hơn so với DN NK gỗ từ vùng tích cực (Hình 3).

Hình 3: Số doanh nghiệp tại Việt Nam nhập khẩu gỗ nguyên liệu phân theo nguồn cung tích cực và rủi ro, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

3. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ vùng địa lý tích cực

3.1. Nhập khẩu gỗ tròn

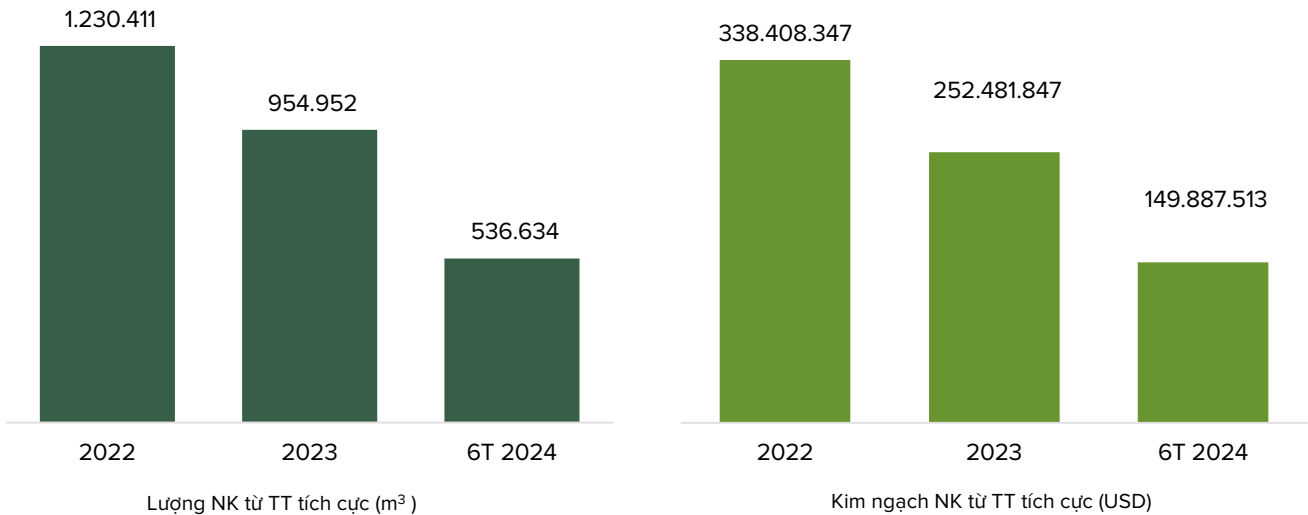
Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Trước 2023, mỗi năm Việt Nam nhập khẩu trung bình trên 1,1 triệu m³ gỗ tròn từ các quốc gia thuộc vùng địa lý tích cực, kim ngạch nhập khẩu trung bình khoảng 280 triệu USD/năm.

Năm 2023 lượng nhập loại gỗ này giảm xuống dưới 1 triệu m³, với kim ngạch khoảng 252 triệu USD.

Sáu tháng đầu năm 2024 Việt Nam NK trên 536.600 m³ gỗ tròn từ vùng tích cực, kim ngạch gần 150 triệu USD (Hình 4).

Hình 4: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024



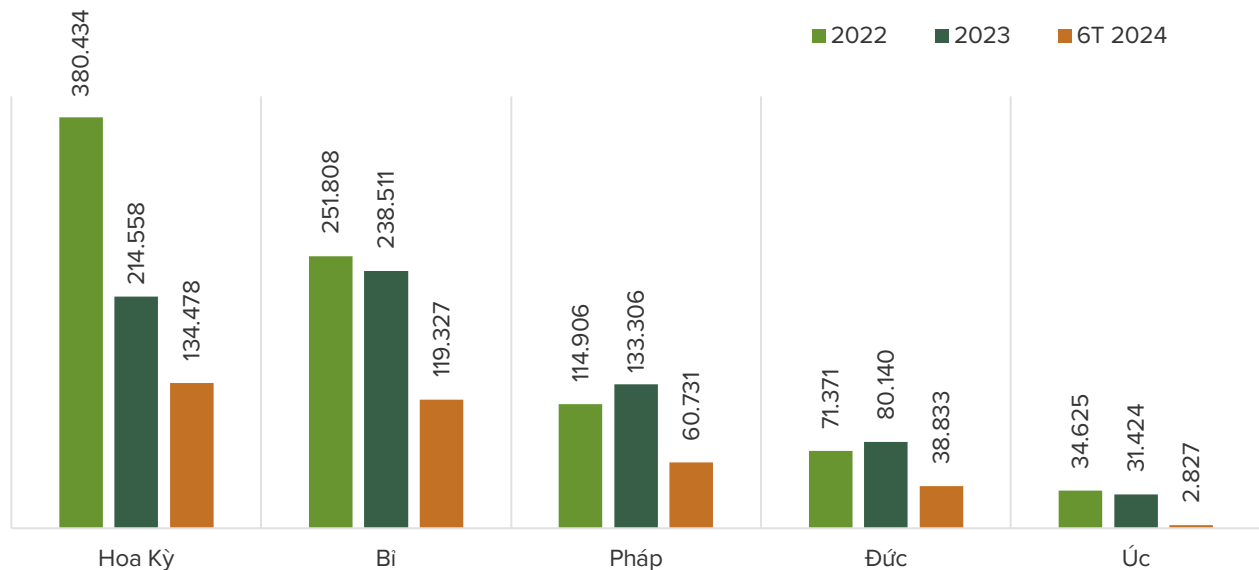
Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Các nguồn cung chính

Năm 2023 Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ 39 thị trường tích cực. Sáu tháng đầu năm 2024 ghi nhận 37 vùng địa lý tích cực đã cung gỗ tròn cho Việt Nam.

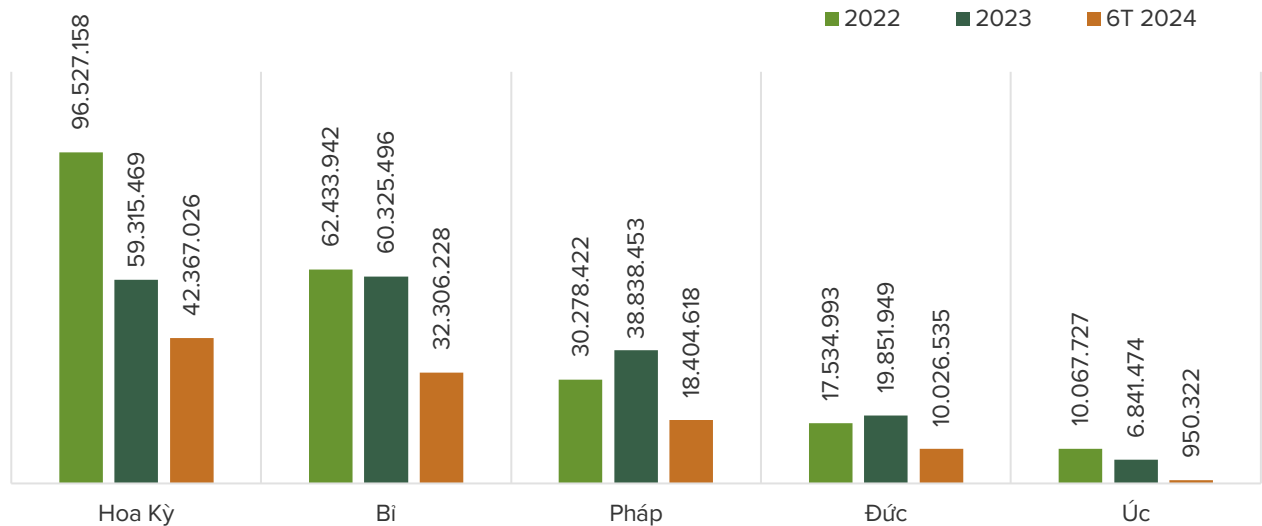
Năm thị trường tích cực cung gỗ tròn lớn nhất cho Việt Nam lần lượt là Hoa Kỳ, Bỉ, Pháp, Đức và Úc. Hình 5 và 6 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ 5 thị trường này trong giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024.

Hình 5: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 6: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (USD)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Các loài gỗ chính

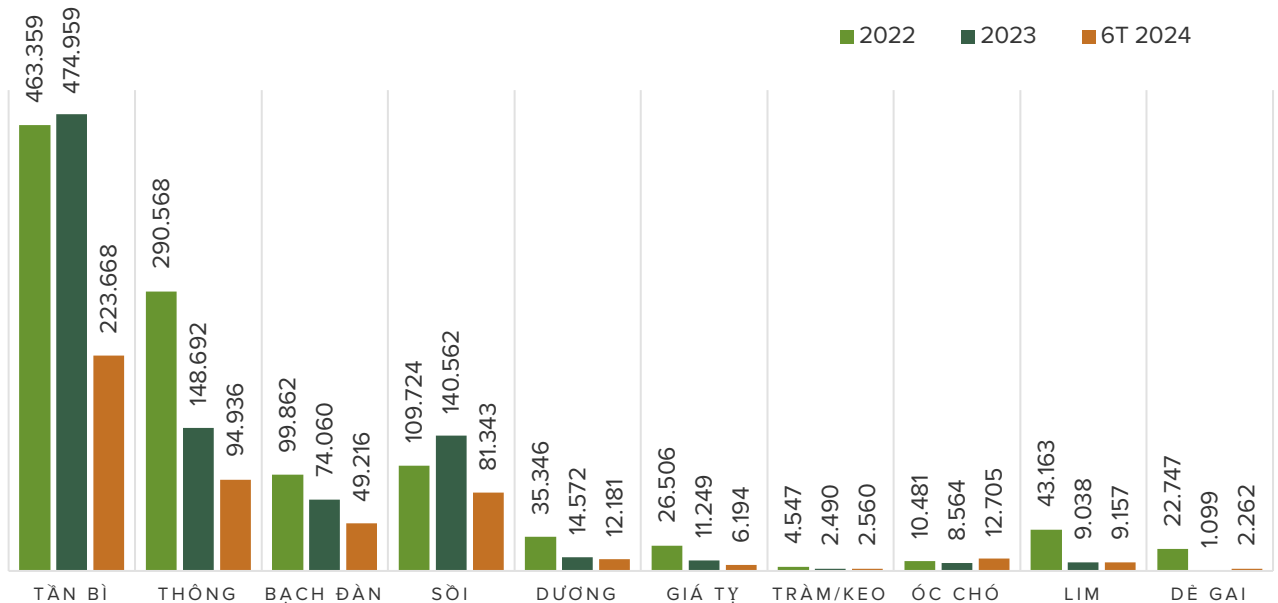
Năm 2022 Việt Nam nhập khẩu 206 loài gỗ tròn từ thị trường tích cực. Con số này là 161 loài 2023 và 112 loài trong 6 tháng đầu năm 2024.

Mười loài có lượng nhập lớn nhất giai đoạn 2022 – 6T 2024 (chiếm trên 85% tổng lượng gỗ tròn nhập khẩu từ các thị trường tích cực) bao gồm: tần bì, thông, sồi, bạch đàn, dương, giá tỵ, tràm/keo, óc chó, lim và dê gai.

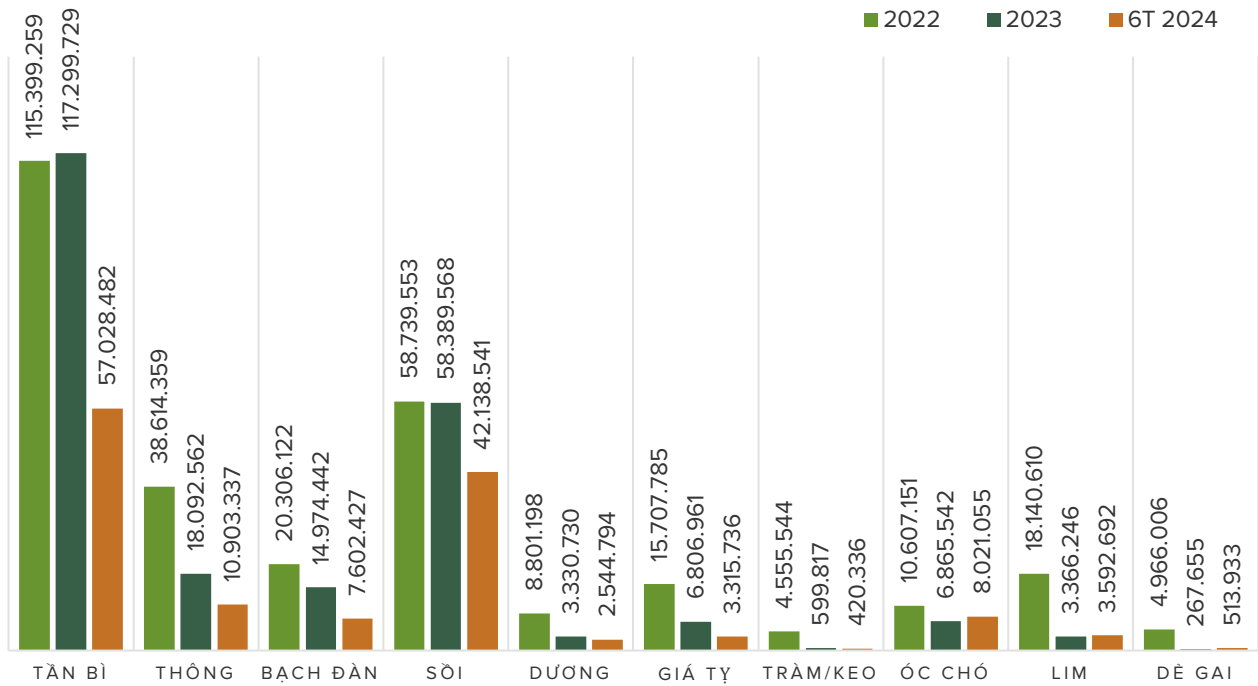
Mặc dù đại đa số gỗ tròn nhập khẩu từ thị trường tích cực là gỗ rừng trồng, vẫn có một lượng nhỏ lim (*Erythrophleum spp.*) là gỗ rừng tự nhiên được nhập từ những thị trường này.

Hình 7 và 8 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn từ vùng địa lý tích cực giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024.

Hình 7: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

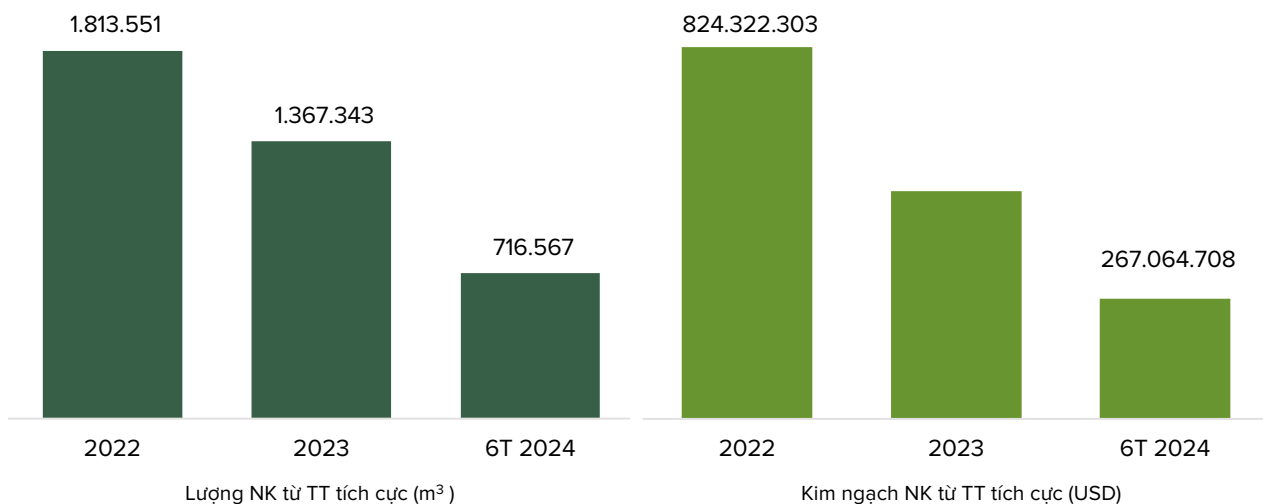
Hình 8: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (USD)

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

3.2. Nhập khẩu gỗ xẻ

Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Gỗ xẻ nhập khẩu từ các thị trường tích cực có xu hướng giảm cả lượng và kim ngạch. Sáu tháng đầu năm 2024, lượng và kim ngạch NK gỗ xẻ tương đương lần lượt 52% và 53% so với cả năm 2023 (Hình 9).

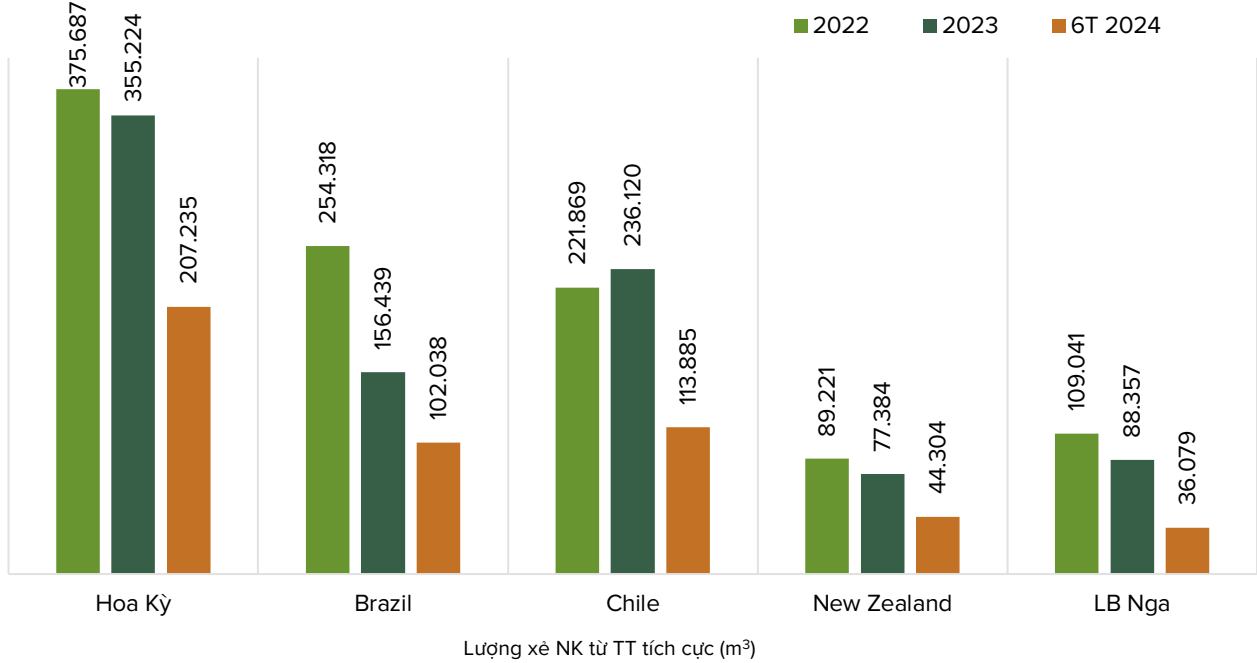
Hình 9: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Các nguồn cung chính

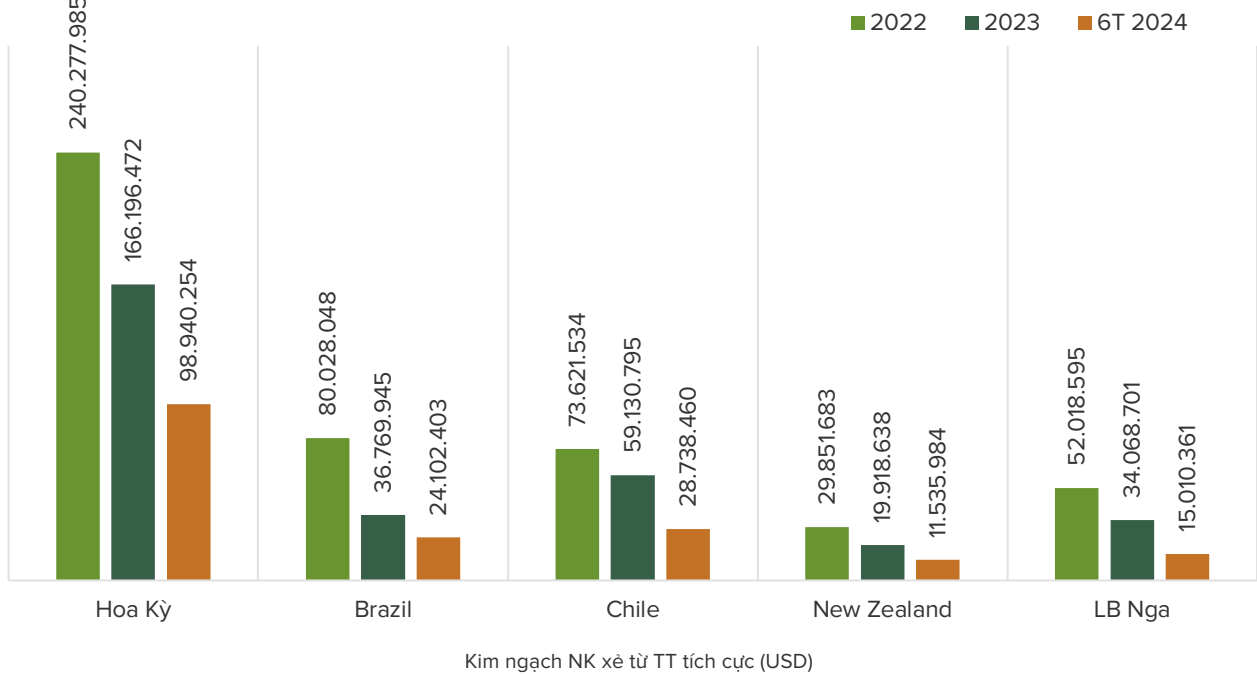
Khoảng 40 thị trường tích cực cung gỗ xẻ cho Việt Nam. Năm thị trường có lượng cung lớn nhất lần lượt là Hoa Kỳ, Chile, Brazil, New Zealand và Nga. Hình 10 và 11 cung cấp các con số chi tiết về lượng và kim ngạch NK gỗ xẻ từ 5 thị trường này.

Hình 10: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 11: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường tích cực chính, 2022 – 6T 2024 (USD)

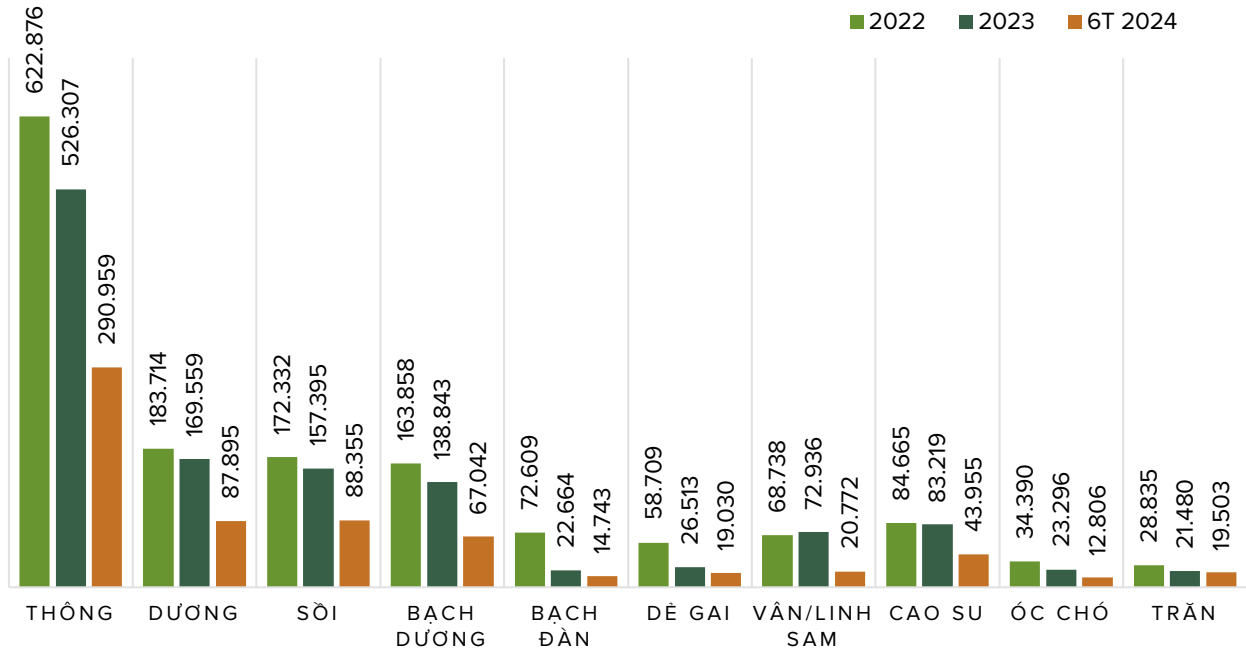


Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Các loài nhập khẩu chính

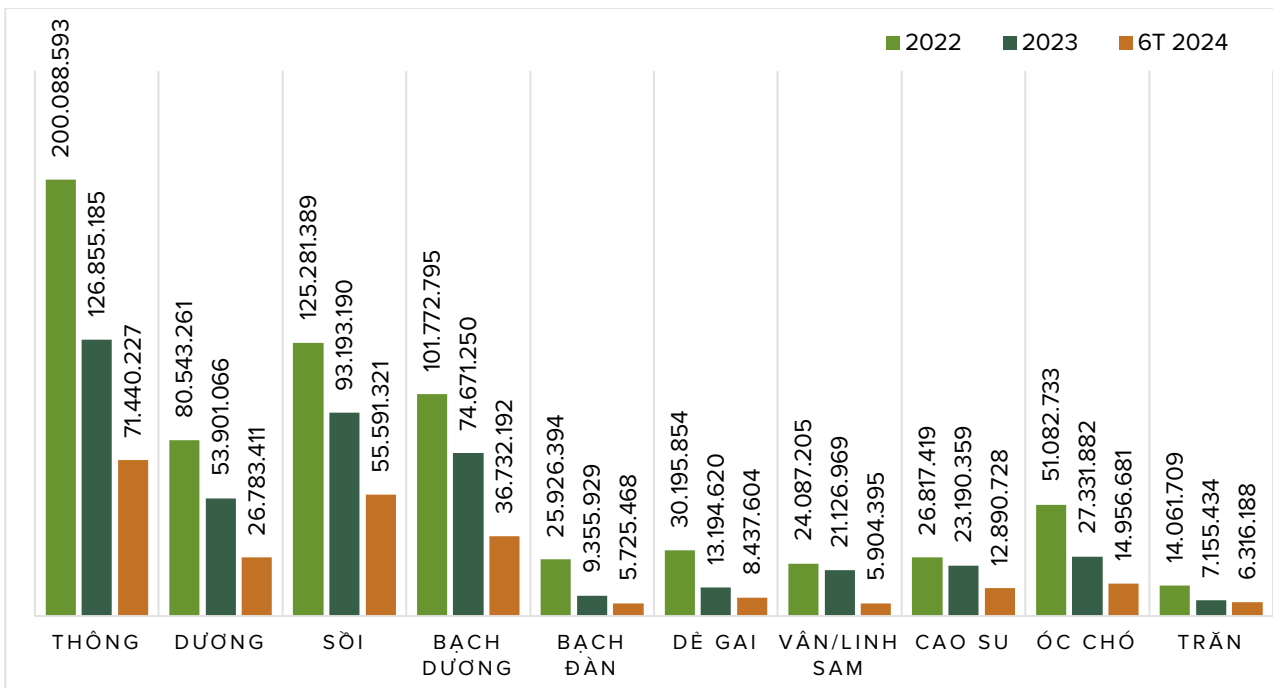
Năm 2022 Việt Nam nhập khẩu 260 loài gỗ xẻ từ các thị trường tích cực. Năm 2023 số loài nhập khẩu là 223 loài. Sáu tháng đầu năm 2024 Việt Nam nhập 173 loài.

Thông là loài có lượng nhập lớn nhất, tiếp theo là dương, bạch dương và sồi. Hình 12 và 13 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ của 10 loài gỗ có lượng nhập lớn nhất giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024.

Hình 12: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (m³)

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 13: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ thị trường tích cực, 2022 – 6T 2024 (USD)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

3.3. Lượng doanh nghiệp tham gia khâu nhập khẩu

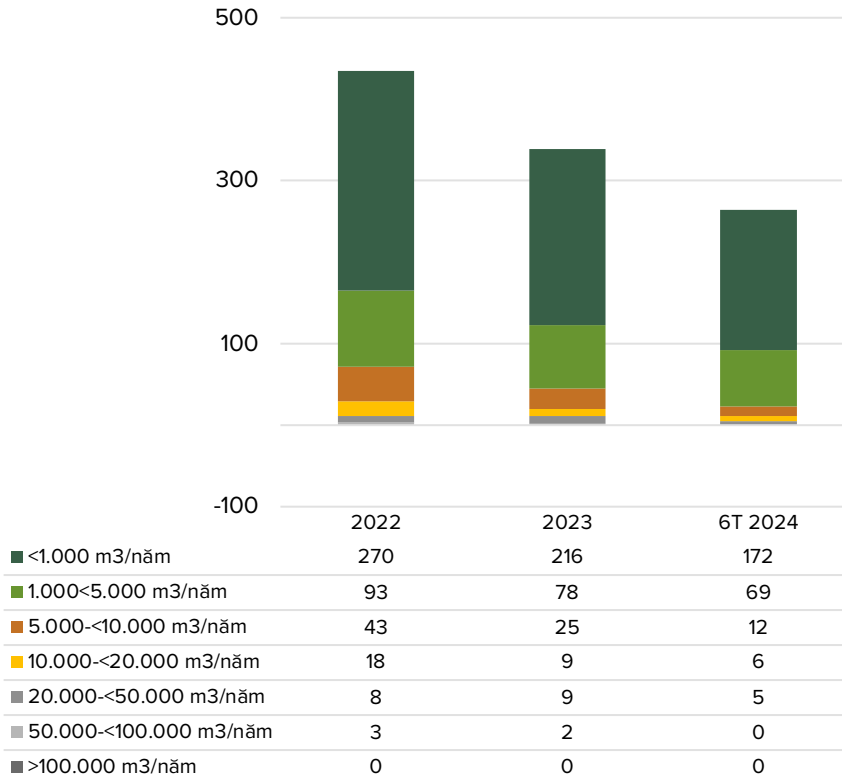
Mỗi năm có khoảng trên dưới 300 DN tham gia khâu nhập khẩu gỗ tròn. Đa số là DN có quy mô nhập khẩu nhỏ, có lượng nhập hàng năm dưới 5.000 m³. Số DN có lượng nhập dưới 1.000 m³ mỗi năm chiếm đến 62%.

Khoảng trên dưới 900 DN tham gia khâu nhập khẩu gỗ xẻ mỗi năm. Tương tự như đối với khâu nhập khẩu gỗ tròn, các DN nhập khẩu gỗ xẻ chủ yếu có quy mô nhỏ.

Số DN nhập khẩu giảm đáng kể trong 6 tháng đầu năm 2024 so với các năm trước đó.

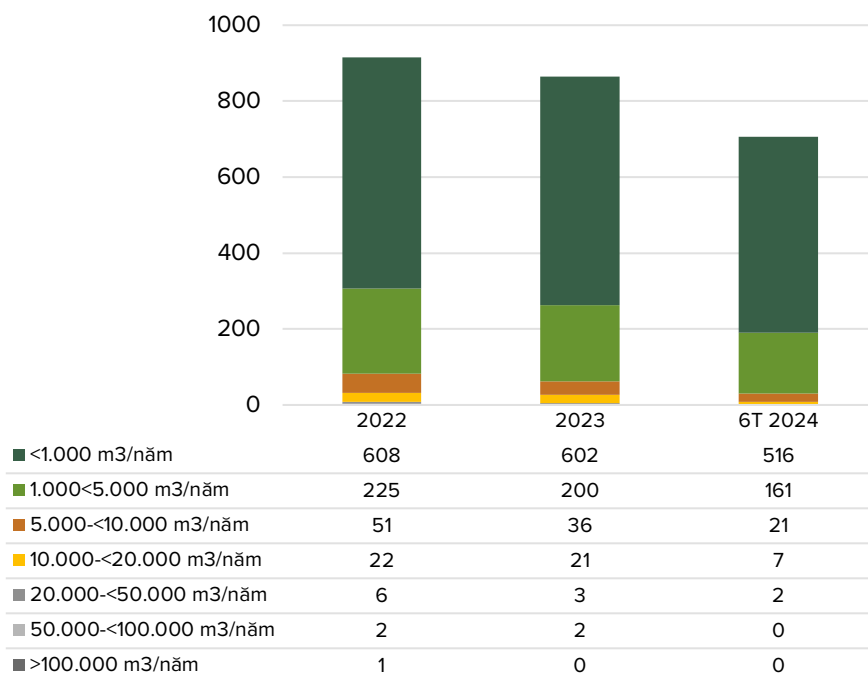
Hình 14 và 15 chỉ ra số DN nhập khẩu gỗ tròn và xẻ từ vùng địa lý tích cực giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024, theo quy mô lượng gỗ nhập khẩu.

Hình 14: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường tích cực phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 15: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ xẻ từ các thị trường tích cực phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

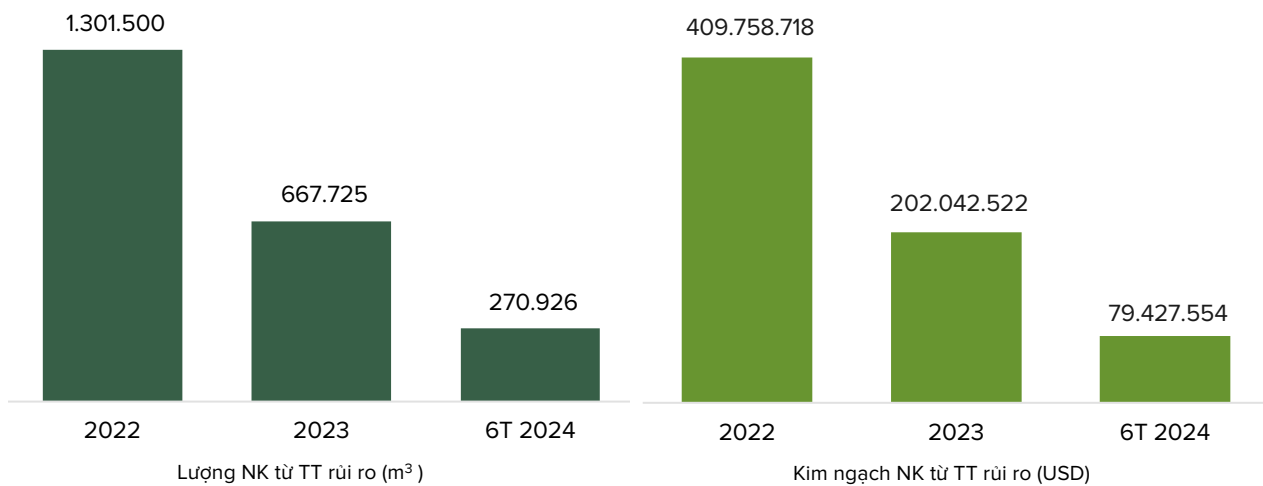
4. Việt Nam nhập khẩu gỗ từ vùng địa lý không tích cực

4.1. Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn

Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Nhập khẩu gỗ tròn tăng cao vào năm 2022 so với các năm trước đó nhưng giảm mạnh năm 2023. Lượng và kim ngạch nhập năm 2023 chỉ bằng một nửa so với năm 2022. Đà giảm tiếp tục được ghi nhận ở 6 tháng đầu năm 2024, với lượng và kim ngạch nhập khẩu chỉ tương đương lần lượt là 40% và 39% so với cả năm 2023 (Hình 16).

Hình 16: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Các nguồn cung gỗ tròn chính

Năm 2022 Việt Nam nhập khẩu gỗ tròn từ 51 thị trường rủi ro. Năm 2023 số thị trường giảm xuống 39, gần tương đương con số của sáu tháng đầu năm 2024 (37 thị trường).

Năm nguồn cung lớn nhất cho Việt Nam lần lượt là Cameroon, Papua New Guinea, Nigeria, Suriname và Cộng hòa dân chủ Congo. Lượng nhập năm 2023 giảm so với năm 2022. Hình 17 và 18 thể hiện lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường này.

Các loài nhập khẩu chính

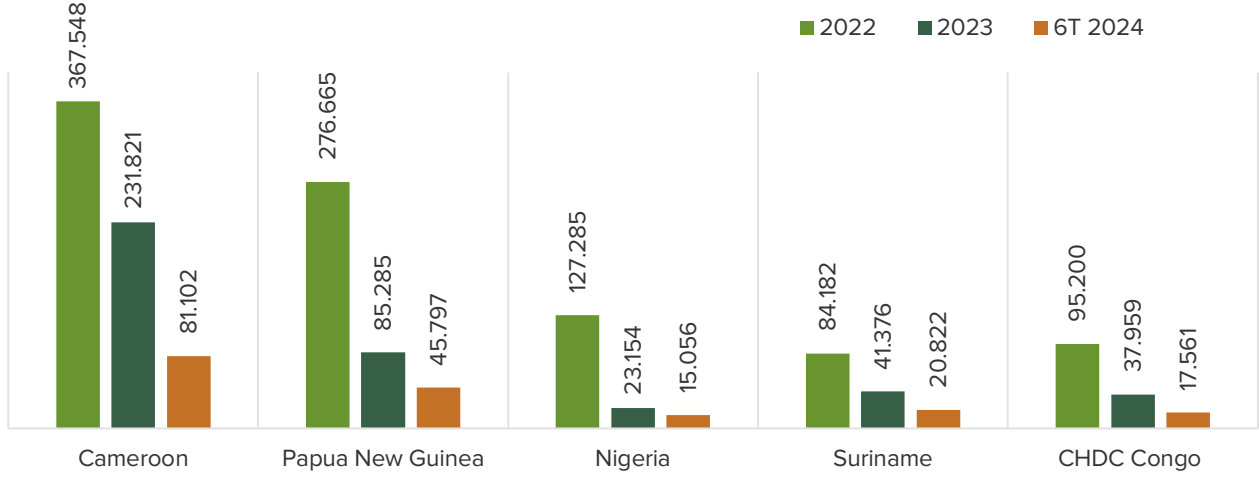
Số loài gỗ tròn từ vùng địa lý rủi ro nhập khẩu năm 2022 là 363 loài, năm 2023 giảm xuống còn 235 loài và 6 tháng đầu năm 2024 là 161 loài.

Mười loài có lượng nhập lớn nhất bao gồm: gỗ lim, giá trị, xoan đào, bạch đàn, sến, hương, căm xe, giổi và dâu. Ngoài giá trị, các loài còn lại trong danh sách 10 loài nêu trên đều có lượng nhập giảm mạnh năm 2023 so với 2022.

Sáu tháng đầu năm 2024 lượng giá trị nhập khẩu giảm mạnh so với cả năm trước đó.

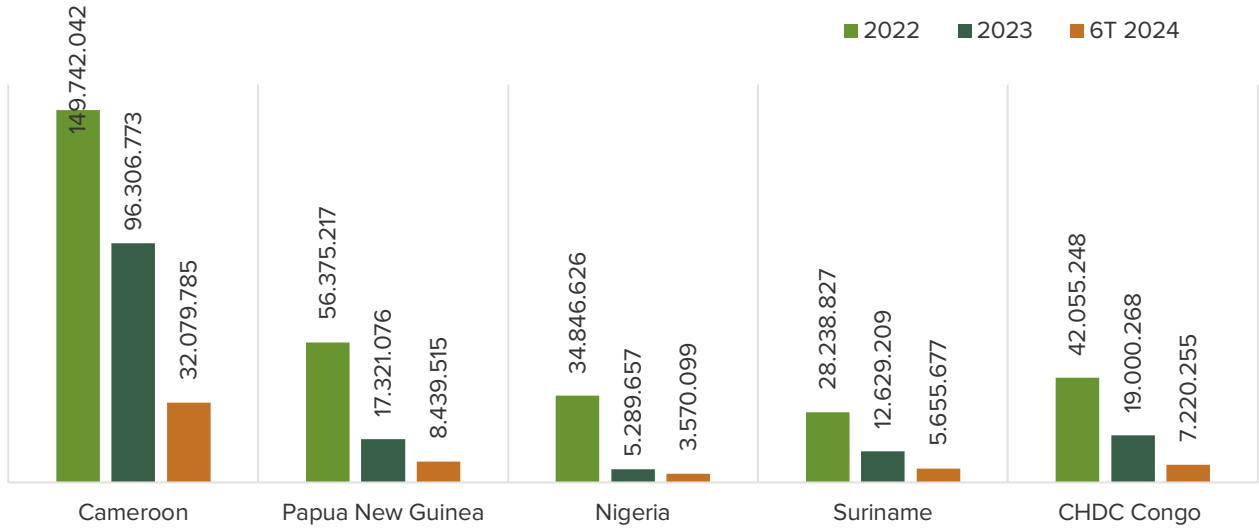
Hình 19 và 20 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu của 10 loài gỗ tròn có lượng nhập lớn nhất.

Hình 17: Lượng gỗ tròn nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (m³)



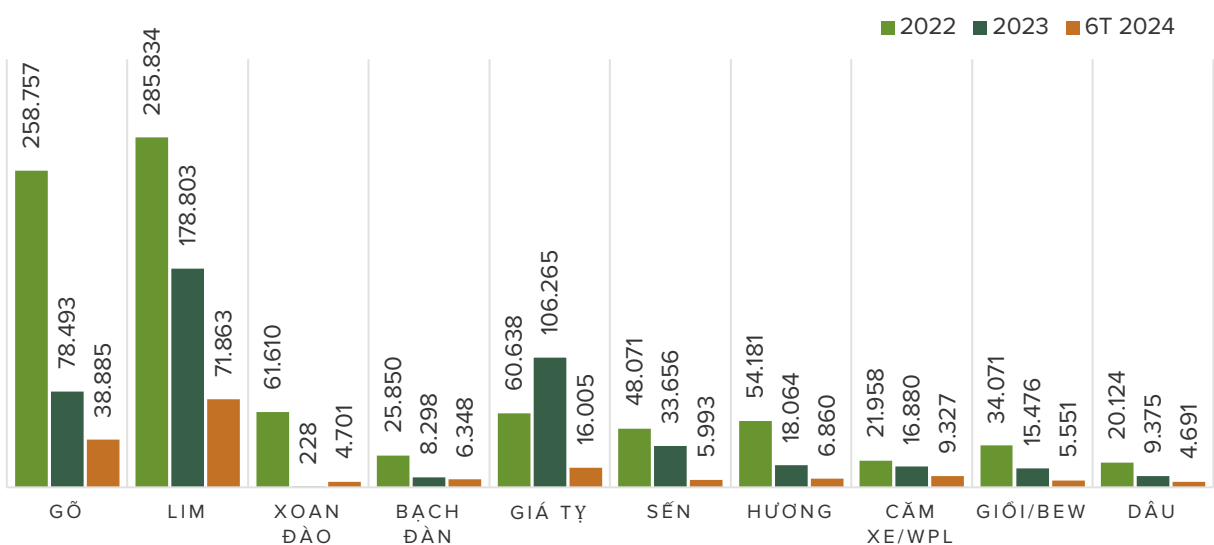
Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 18: Kim ngạch nhập khẩu gỗ tròn vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (USD)

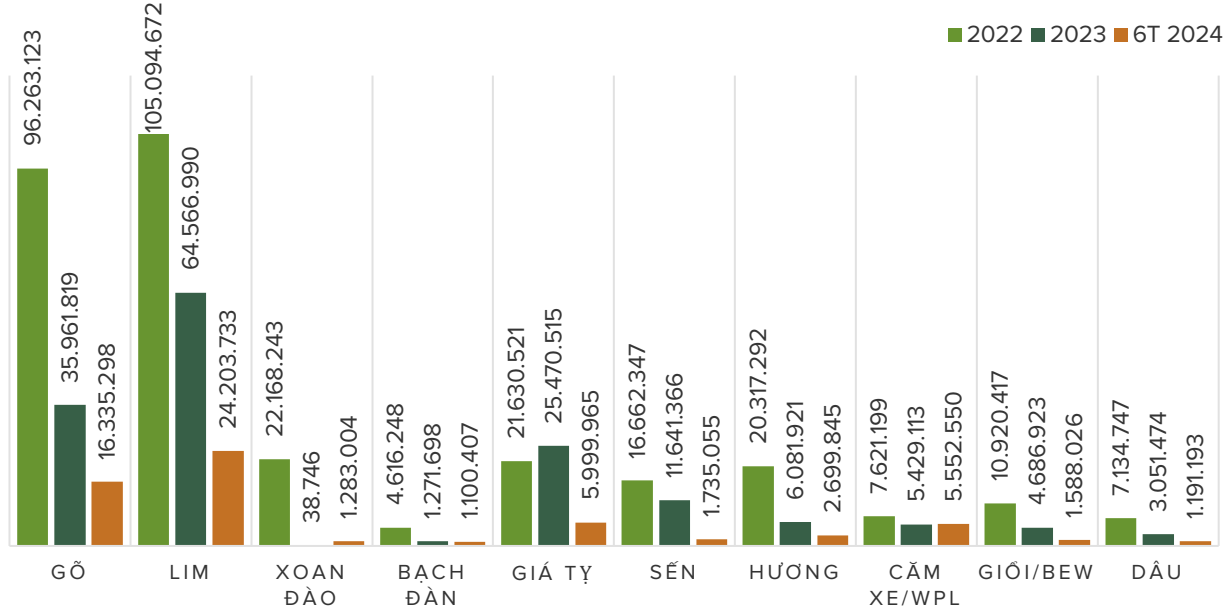


Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 19: Lượng 10 loài gỗ tròn chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 20: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ tròn chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (USD)

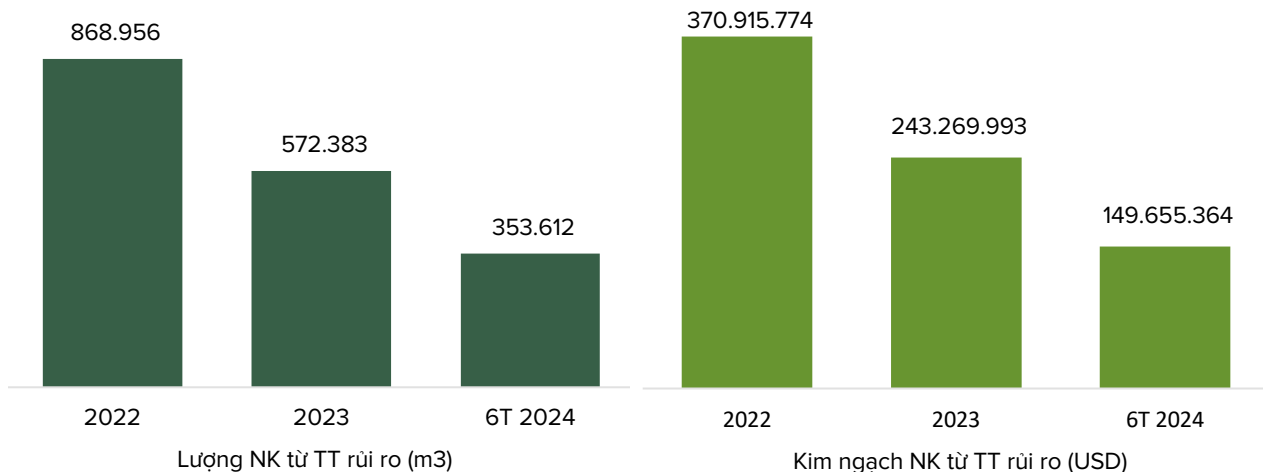
Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

4.2. Việt Nam nhập khẩu gỗ xẻ

Lượng và kim ngạch nhập khẩu

Tương tự với nhập khẩu gỗ tròn, lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ từ thị trường rủi ro có xu hướng giảm trong năm 2023 so với năm trước đó: Lượng và kim ngạch tương đương 66% năm 2022.

Lượng nhập 6 tháng đầu năm 2024 tăng, tương đương 62% so với cả năm 2023 (Hình 21).

Hình 21: Lượng (trái) và kim ngạch (phải) gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024

Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

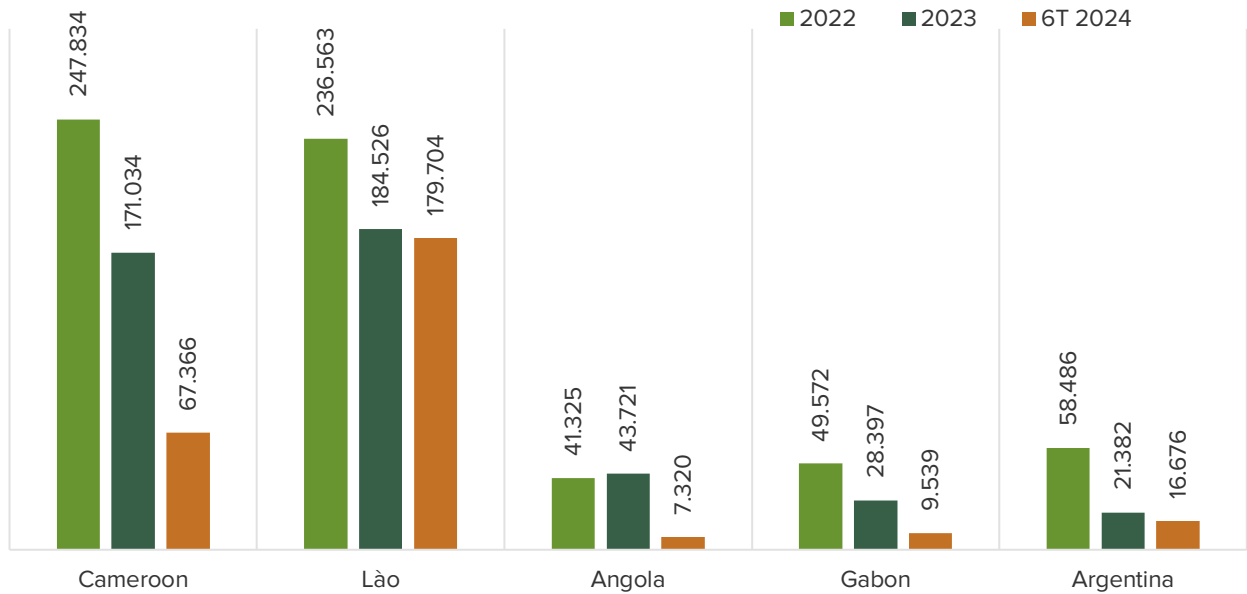
Các nguồn cung chính

Năm 2022 có 54 thị trường rủi ro cung gỗ xẻ cho Việt Nam. Con số này là 48 năm 2023 và 43 trong 6 tháng đầu năm 2024.

Các quốc gia châu Phi là nguồn cung chính gỗ xẻ từ thị trường rủi ro cho Việt Nam.

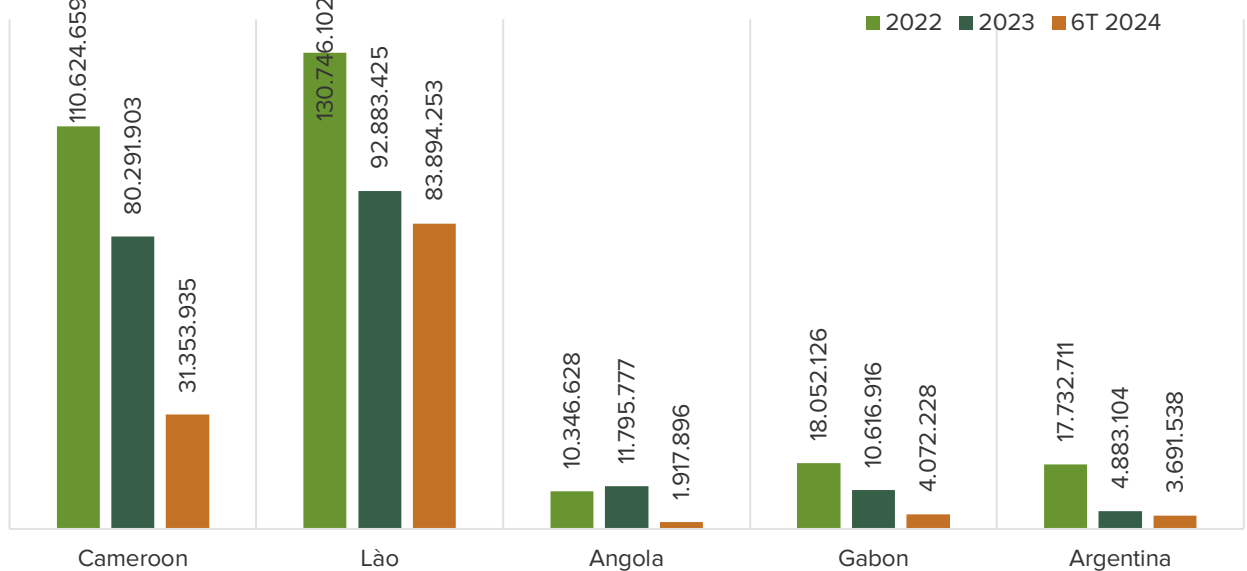
Trong giai đoạn 2022 – 6 tháng đầu năm 2024, 5 nguồn cung gỗ xẻ rủi ro lớn nhất cho Việt Nam bao gồm: Cameroon, Lào, Angola, Gabon và Argentina. Hình 22 và 23 chỉ ra lượng và kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường này.

Hình 22: Lượng gỗ xẻ nhập khẩu vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 23: Kim ngạch nhập khẩu gỗ xẻ vào Việt Nam từ 5 thị trường rủi ro chính, 2022 – 6T 2024 (USD)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

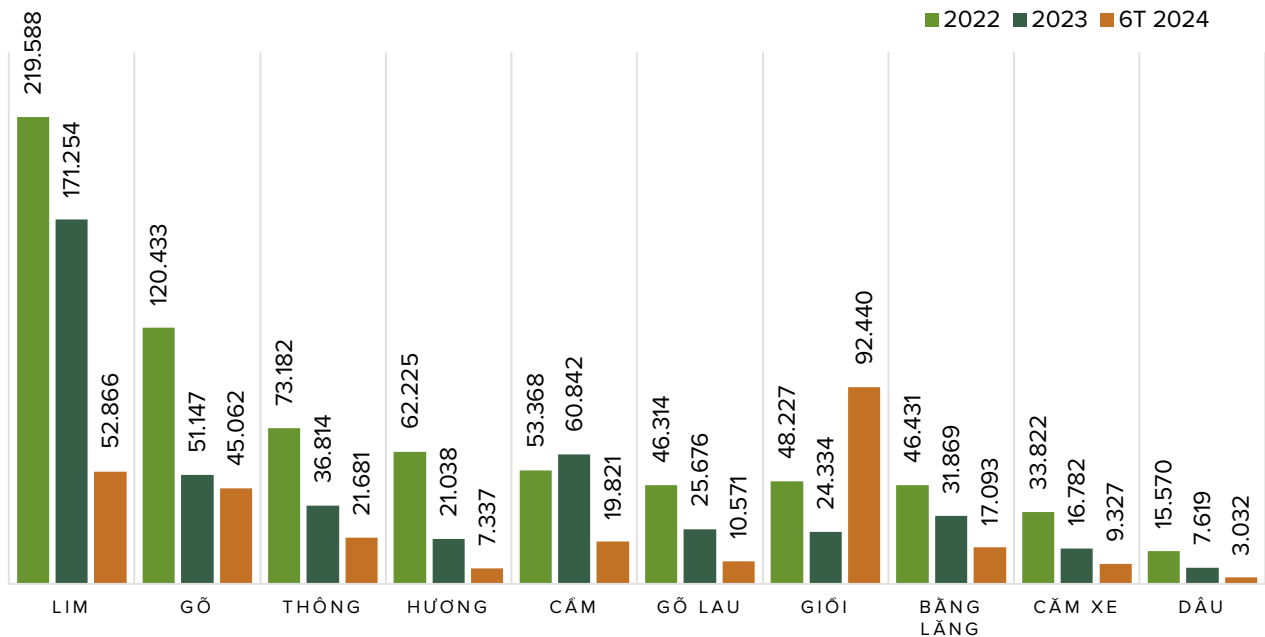
Các loài nhập khẩu chính

Số loài gỗ xẻ Việt Nam nhập khẩu từ các thị trường rủi ro là 274 năm 2022, tăng lên 294 năm 2023, và 252 trong 6 tháng đầu năm 2024.

Mười loài có lượng nhập lớn nhất bao gồm lim, gỗ, thông, hương, cẩm, gỗ lau, giới, bằng lăng, cẩm xe và dâu. Năm 2023, 9 trong số 10 loài nêu trên (ngoại trừ gỗ cẩm) có lượng nhập giảm đi so với năm 2022.

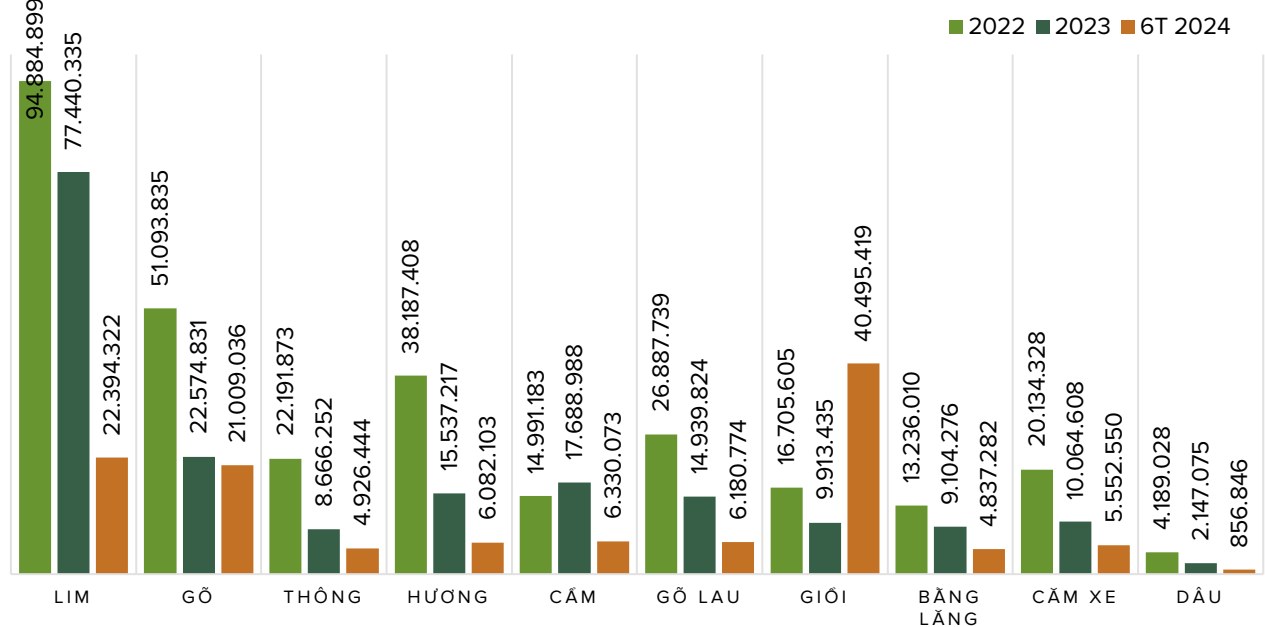
Trong 6 tháng đầu năm 2024 lượng gỗ giới lượng nhập tăng tới 3,8 lần, so với cả năm 2023. Hình 24 và 25 thể hiện lượng và kim ngạch nhập khẩu 10 loài nêu trên.

Hình 24: Lượng 10 loài gỗ xẻ chính nhập khẩu vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (m³)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 25: Kim ngạch nhập khẩu 10 loài gỗ xẻ chính vào Việt Nam từ các thị trường rủi ro, 2022 – 6T 2024 (USD)



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

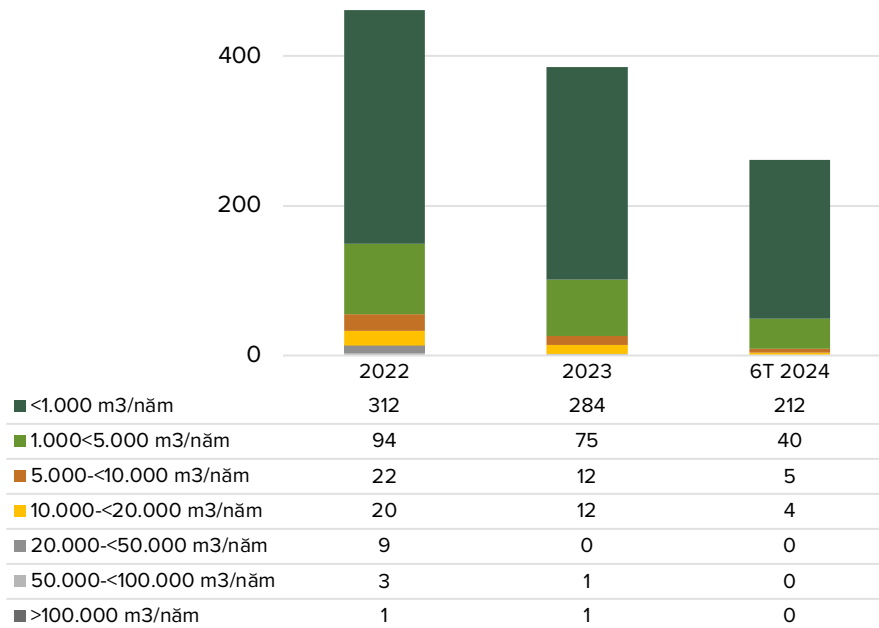
4.3. Doanh nghiệp tham gia khâu nhập khẩu

Bình quân mỗi năm có khoảng trên dưới 400 DN tham gia nhập khẩu gỗ tròn và 500 DN tham gia nhập khẩu gỗ xẻ từ nguồn rủi ro vào Việt Nam. Số DN nhập khẩu có xu hướng giảm.

Tương tự với DN nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ vùng địa lý tích cực, DN tại Việt Nam tham gia nhập khẩu gỗ nguyên liệu tròn và xẻ từ thị trường rủi ro phần lớn (trên 90%) có quy mô nhỏ (lượng nhập dưới 5.000 m³/năm).

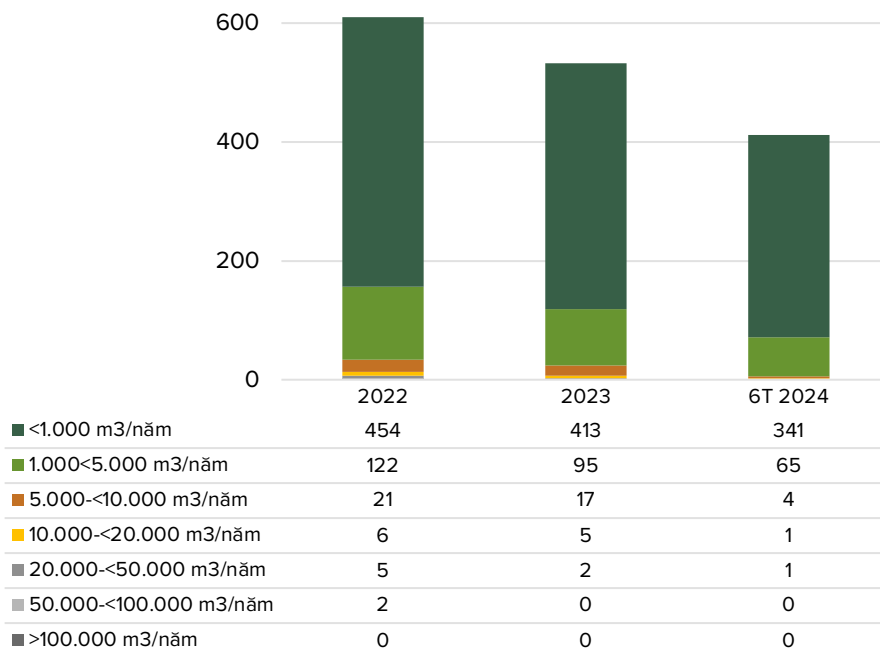
Hình 26 và 27 chỉ ra số lượng DN nhập khẩu gỗ tròn và gỗ xẻ từ thị trường rủi ro phân theo quy mô lượng nhập khẩu.

Hình 26: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ tròn từ các thị trường rủi ro phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

Hình 27: Số doanh nghiệp nhập khẩu gỗ xẻ từ các thị trường rủi ro phân theo quy mô lượng nhập khẩu, 2022 – 6T 2024



Nguồn: Số liệu của Tổng cục Hải quan, tính toán bởi Nhóm nghiên cứu của các HH Gỗ và Forest Trends

5. Kết luận

Gỗ tròn và gỗ xẻ nhập khẩu đóng vai trò tối quan trọng đối với ngành gỗ Việt Nam, với lượng nhập mỗi năm đạt 4-5 triệu m³ quy tròn. Lượng nhập này là từ các nguồn cung tích cực và không tích cực (hay còn gọi là nguồn rủi ro). Một số điểm đáng chú ý trong các luồng cung nhập khẩu này như sau:

Gỗ nhập khẩu từ nguồn cung tích cực chủ yếu được sử dụng phục vụ chế biến xuất khẩu, ở dạng các sản phẩm cuối cùng; một phần được sử dụng tiêu thụ trong nước. Gỗ nhập khẩu từ nguồn rủi ro hầu hết được sử dụng tiêu dùng nội địa.

Khoảng 60-70% lượng nhập là từ nguồn tích cực, phần còn lại (30-40%) là từ nguồn rủi ro.

Kể từ 2023 lượng nhập từ cả hai nguồn giảm. Sự suy giảm này được cho là do cầu sản phẩm đầu ra cho các nguồn cung này, bao gồm cả khâu xuất khẩu và tiêu dùng nội địa giảm.

Lượng gỗ nguyên liệu giảm cho thấy ý nghĩa khác nhau đối với ngành:

- Nhập khẩu gỗ nguyên liệu từ các nguồn tích cực giảm (trong bối cảnh nguồn cung trong nước (gỗ rừng trồng) sử dụng chế biến xuất khẩu không tăng) do cầu đầu ra xuất khẩu giảm tác động tiêu cực tới ngành – nhiều DN chế biến xuất khẩu phải giảm quy mô, một số lao động phải nghỉ việc hoặc giảm giờ làm, nguồn thu của DN giảm.
- Nhập khẩu gỗ nguyên liệu rủi ro giảm là tín hiệu tích cực cho ngành, đặc biệt là việc góp phần nâng cao hình ảnh của các DN chế biến xuất khẩu.

Hiện chưa có các yếu tố để khẳng định liệu suy giảm trong nhập khẩu kể cả từ nguồn tích cực và rủi ro có phải là xu hướng bền vững trong tương lai hay không. Cầu xuất khẩu phụ thuộc trực tiếp vào các thị trường đầu ra chính, đặc biệt là từ Hoa Kỳ và EU. Hiện có nhiều yếu tố đang và sẽ tác động tới cầu xuất khẩu tại các thị trường này, bao gồm các chính sách kiểm soát kinh tế vĩ mô, đặc biệt là lãi suất vốn vay và kiểm soát lạm phát, tỷ giá, kết quả bầu cử tại Hoa Kỳ trong thời gian tới, các xung đột địa chính trị tại Nga – Ukraina và Trung Đông. Cầu trong nước đối với nguồn cung rủi ro phụ thuộc vào tình hình kinh tế trong nước, chính sách kiểm soát gỗ rủi ro nhập khẩu và tiềm năng nguồn cung gỗ nguyên liệu trong nước sẵn có để thay thế cho nguồn cung rủi ro nhập khẩu này.

Mặc dù giảm, lượng gỗ rủi ro nhập khẩu còn lớn và điều này tiếp tục đem lại những tác động tiêu cực cho ngành, đặc biệt khâu xuất khẩu. Giảm nguồn rủi ro nhập khẩu có vai trò quan trọng, trực tiếp góp phần phát triển bền vững ngành. Giảm nguồn cung này đòi hỏi các biện pháp đồng bộ từ cả khía cạnh chính sách và từ DN, các hộ làng nghề. Một chính sách mua sắm công đồ gỗ ưu tiên các sản phẩm từ nguồn cung tích cực và/hoặc từ gỗ rừng trồng trong nước trực tiếp góp phần tạo chuyển dịch nguồn cung nguyên liệu từ nguồn rủi ro sang các nguồn tích cực trong tương lai.